TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28** /2019/HNGĐ-PT
Ngày: 19-7-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng
Các thẩm phán: Ông Lê Văn Quý
Bà Hoàng Thị Thu Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06/6/2019 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐ-PT ngày 01/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Quỳnh G, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159/5, KP9, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: 159/5, KP9, phường T,TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh G trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận

kết hôn số 28/2002, quyển số 01/2012 ngày 08/02/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên xúc phạm danh dự, đánh đập bà, tính tình hay ghen tuông vô cớ không cho bà tiếp xúc với bất kỳ ai nhưng vì các con nên bà cố gắng chịu đựng nhưng ông T vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2011 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2014. Sau khi ly hôn, bà nhận nuôi hai cháu, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay bà đang làm nghề bán hàng online trên mạng thu nhập bình quân hàng tháng từ 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), đủ khả năng để nuôi hai con chung. Vì bản thân ông T hay đánh đập bà để các con chứng kiến nên bà không đồng ý giao con cho ông T nuôi dạy và các con bà cũng có nguyện vọng muốn sống chung với bà. Bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Ông T và bà Nguyễn Quỳnh G xây dựng gia đình với nhau và đăng ký kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện đúng như bà G khai. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, ông có đánh đập bà G là do bà G có người đàn ông khác, ông bắt đầu đánh bà G từ năm 2018 và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Ông xác định ông vẫn còn thương bà G và vì các con nên chỉ muốn vợ chồng sống ly thân một thời gian với nhau, vì vậy ông không đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà G.

Về con chung: Có 02 người con chung gồm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2011 và Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2014. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông có xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông làm nghề lái xe, xe là của gia đình ông, ông không có bảng lương để chứng minh thu nhập và không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Quỳnh G. Cho bà Nguyễn Quỳnh G được ly hôn ông Nguyễn Trung T .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2011 và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2014 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G và ông T khai để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà G và ông T khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Trung T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày cụ thể nội dung kháng cáo của ông bao gồm các yêu cầu Tòa án xem xét lại và không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G, đối với việc nuôi con chung ông đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Vĩ. Căn cứ để kháng cáo của ông là bà G là người không có trách nhiệm với con cái, thường xuyên đi bar, sàn, hít bóng cười, đi về rất khuya.. và 2 đứa con đều do ông và gia đình nhà nội trực tiếp chăm sóc, đưa đón, đóng tiền học hành ở trường quốc tế.. Tuy nhiên ông T không giao nộp chứng cứ gì mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu không chấp nhận yêu cầu ly hôn và xin được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc V nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho các yêu cầu kháng cáo của ông nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trung T làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Quỳnh G có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trung T: Cả nguyên đơn và bị đơn đều khai nhận quá trình chung sống ông T có đánh bà G; đời sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm; hiện nay ông T và bà G đã sống ly thân, khó có khả năng đoàn tụ xây dựng lại gia đình hạnh phúc. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Quỳnh G là có cơ sở. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông T không cung cấp được chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ có trong hồ sơ nên yêu cầu kháng cáo này của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông T về việc giao cháu Nguyễn Ngọc Vĩ cho ông nuôi dưỡng: Xét về điều kiện kinh tế và thu nhập, bà G đã có chứng cứ chứng minh hiện nay bà G có công việc ổn định và thu nhập cao có thể chăm lo cho 02 con chung; còn ông T khai rằng ông hiện nay là tài xế xe tải cho gia đình, ông không giao nộp được chứng cứ chứng minh thu nhập của ông; bên cạnh đó từ khi vợ chồng ông bà sống ly thân đến nay thì người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 02 con chung là bà G; theo ý kiến của cháu Q thì có yêu cầu được ở với bà G; đối với cháu V tuy đã hơn 36 tháng tuổi nhưng vẫn còn nhỏ, để tránh việc ly hôn của cha mẹ làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của cháu nên việc Tòa án sơ thẩm giao cả 02 cháu Q và V cho mẹ là bà G trực tiếp chăm sóc là phù hợp. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông T không cung cấp được chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ có trong hồ sơ nên yêu cầu kháng cáo này của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trung T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Quỳnh G.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Quỳnh G được ly hôn ông Nguyễn Trung T.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 28/2002, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T cấp, đăng ký ngày 08/02/2012 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2011 và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2014 cho bà Nguyễn Quỳnh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Trung T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và/hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà G phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Biên lai số 0003931 ngày 24/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà G đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông T phải chịu án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Biên lai số 0008157 ngày 24/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng